

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 20 - 6 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- **Thư ký phiên toà:** ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà:** ông Từ Văn Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

- **Nguyễn Văn B** - sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn 1 T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị U (đã chết); có vợ là Lê Thị H và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 30/12/2014, Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 28/12/2023 được tại ngoại, hiện nay đang thi hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn LN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn PH - sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn 2 T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Lê Văn L1 - sinh năm 1971; vắng mặt;

4. Bà Trần Thị H - sinh năm 1982; vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: thôn PG, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

5. Ông Lê Văn H1 - sinh năm 1956; nơi cư trú: tiểu khu LM, thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

6. Chị Lê Thị H - sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn 1 T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông Nhữ Văn T - sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn TK, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/3/2021 đến ngày 17/12/2023, Nguyễn Văn B đã nhiều lần thực hiện hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 10 giờ ngày 11/3/2021, ông Nguyễn Văn L đến nhà Nguyễn Văn B hỏi vay 100.000.000 đồng để kinh doanh. Cả 02 thỏa thuận và thống nhất B cho ông L vay số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày (tức là lãi suất 9.000.000 đồng/tháng, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) và sau 30 ngày thì ông L phải trả tiền lãi cho B 01 lần. Ngay trong ngày 11/3/2021, B đã đưa cho ông L số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, hàng tháng ông L đã trực tiếp trả cho B 9.000.000 đồng tiền lãi như đã thỏa thuận. Đến ngày 08/8/2021, ông L đã trả cho B T bộ 100.000.000 đồng tiền gốc và tổng số 45.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi cao nhất B được hưởng đối với khoản vay này của ông L từ ngày 11/3/2021 đến ngày 08/8/2021 (150 ngày) là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 150 \text{ ngày} \times 20\% : 365 \text{ ngày} = 8.219.178 \text{ đồng}$. Trên thực tế, B đã thu lợi bất chính là: $45.000.000 \text{ đồng} - 8.219.178 \text{ đồng} = 36.780.822 \text{ đồng}$; mức lãi suất B cho vay so với mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự là gấp 5,47 lần (109,5%/20%).

Lần thứ hai: sáng ngày 16/6/2023, ông Phạm Văn PH đến cửa hàng cây cảnh của vợ chồng ông Lê Văn L1, bà Trần Thị H ở thôn PG, xã TN, huyện TL hỏi vay 100.000.000 đồng để kinh doanh. Do vợ chồng ông L1, bà H không có tiền cho vay, nên ông PH đã đưa số điện thoại của Nguyễn Văn B cho ông L1 và nhờ ông L1 hỏi vay tiền của B. Ông L1 đồng ý, gọi đến số điện thoại 0966.078.078 của B hỏi vay 100.000.000 đồng thì B đồng ý, thỏa thuận và thống nhất với lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày (tức 9.000.000 đồng/tháng, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm), hàng tháng trả lãi 01 lần vào khoảng thời gian từ ngày 16 đến 20 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng và không cắt lãi tháng đầu tiên. Ông L1 đã trao đổi với ông PH nội dung trên, thì ông PH đồng ý và nhờ ông L1 vay hộ tiền. Cả 02 thống nhất hàng tháng khi đến hạn đóng lãi, thì ông PH sẽ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông L1 để ông L1 trả cho B. Sau đó, cũng trong ngày 16/6/2023, B đã chuyển 100.000.000 đồng từ số tài

khoản 19031714882442 của B mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) đến số tài khoản 102875150494 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ViettinBank) của vợ ông L1 là bà Trần Thị H mà ông L1 cung cấp cho B trước đó. Sau đó, bà H chuyển lại số tiền này vào số tài khoản 199991899999 của ông PH mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank). Từ ngày 16/6/2023 đến ngày 16/11/2023, ông PH đã 05 lần chuyển tiền, mỗi lần 9.000.000 đồng tiền lãi hàng tháng vào số tài khoản ngân hàng của bà H. Sau đó, bà H 02 lần sử dụng tài khoản 2901205098050 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) chuyển tổng số tiền 18.000.000 đồng đến số tài khoản 19031714882442 của B; ông L1 sử dụng số tài khoản 2901205065328 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) chuyển 03 lần, mỗi lần 9.000.000 đồng vào số tài khoản 230417601 mang tên Lê Thị Giang mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), sau đó B chuyển số tiền trên từ tài khoản mang tên Lê Thị Giang đến số tài khoản ngân hàng 1510101956 của bố vợ B là ông Lê Văn H1 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), tuy nhiên trên thực tế B là người quản lý và sử dụng. Khoản vay này được B theo dõi, quản lý tại tài khoản trang Web: 2cash.info.

Tính tới ngày 17/12/2023, ông PH phải trả cho B số tiền lãi theo thỏa thuận là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 184 \text{ ngày} \times 109,5\% : 365 \text{ ngày} = 55.200.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, ông PH mới trả lãi cho B thông qua vợ chồng ông L1 tổng số tiền là 45.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi 34 ngày cũng như số tiền gốc 100.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi cao nhất mà B được hưởng đối với khoản vay này từ ngày 16/6/2023 đến ngày 17/12/2023 (184 ngày) là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 184 \text{ ngày} \times 20\% : 365 \text{ ngày} = 10.082.192 \text{ đồng}$. Số tiền trên thực tế B được hưởng theo quy định là 8.219.178 đồng, số tiền B thu lợi bất chính và nhằm thu lợi bất chính là: $55.200.000 \text{ đồng} - 10.082.192 \text{ đồng} = 45.117.808 \text{ đồng}$, mức lãi suất B cho vay so với mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự là gấp 5,47 lần ($109,5\%/20\%$).

Thông qua công tác quản lý địa bàn, xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) - Công an huyện TL đã xác minh, thu thập các tài liệu có liên quan. Ngày 19/12/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Quyết định tạm giữ, Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn B, thu giữ tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 pro max.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn B tại thôn 1 T, xã TH, huyện TL thu giữ: 02 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; 02 chuột máy tính nhãn hiệu Fuhlen; 01 chuột máy tính nhãn hiệu Dareu; 01 dây nguồn; 01 đầu thu camera kèm theo dây nguồn; 01 con dao có tổng chiều dài 56cm, phần lưỡi dao có chiều

dài 38cm, chuôi dao dài 18cm cùng 01 vỏ dao bằng gỗ dài 48cm; tất cả được niêm phong trong thùng catton ký hiệu M. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không thu giữ được chiếc điện thoại di động B sử dụng để đăng nhập tài khoản ngân hàng do B khai đã ném xuống sông Đáy trước đó.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định đối với con dao đã thu giữ nêu trên. Tại bản Kết luận giám định số 116/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: *“Mẫu cần giám định thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí thô sơ”*.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-KT ngày 08/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Nguyễn Văn B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự; Điều 3, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao - xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước; hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự - trả lại cho Nguyễn Văn B 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và Iphone 14 pro max, 02 máy tính, 03 chuột máy tính, 01 dây nguồn, 01 đầu thu camera kèm theo dây nguồn; tịch thu, tiêu hủy 01 con dao, 01 vỏ dao. Truy thu của Nguyễn Văn B số tiền 116.438.356 đồng (làm tròn là 116.438.000 đồng), nộp ngân sách Nhà nước; buộc ông Phạm Văn PH nộp lại số tiền 100.000.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước; truy thu của Nguyễn Văn B số tiền thu lợi bất chính là 73.561.644 đồng (làm tròn là 73.562.000 đồng) để trả lại cho ông L và ông PH mỗi người 36.781.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người

tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết vụ án; nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: từ ngày 11/3/2021 đến ngày 08/8/2021, tại thôn 1 T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn B đã cho ông Nguyễn Văn L vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ông L đã trả cho B tổng số 45.000.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất cao nhất mà B được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.219.179 đồng, B đã thu lợi bất chính số tiền 36.780.821 đồng.

Từ ngày 16/6/2023 đến ngày 17/12/2023, cũng tại thôn 1 T, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn B tiếp tục thỏa thuận và cho ông Phạm Văn PH vay thông qua ông Lê Văn L1 số tiền là 100.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. B đã thu của ông PH 05 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 45.000.000 đồng, còn lại tiền lãi của 34 ngày và 100.000.000 đồng tiền gốc ông PH chưa trả cho B. Mức lãi suất cao nhất mà B được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.082.192 đồng, B thu lợi bất chính số tiền 45.117.808 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn B là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử kết luận: hành vi của Nguyễn Văn B đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố đối với Nguyễn Văn B là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, mà số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần phạm tội từ 30.000.000 đồng trở lên, mỗi lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: bị cáo cho vay lãi nặng nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là phạt tiền đối với bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do, đã bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính; nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không có căn cứ cấm hành nghề đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 máy tính nhãn hiệu Dell, 03 chuột máy tính, 01 dây nguồn, 01 đầu thu camera kèm theo dây nguồn, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và Iphone 14 pro max: đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn B, không liên quan đến hành vi phạm tội; nên cần trả lại cho B.

- Đối với 01 con dao thuộc vũ khí có tính năng tương tự vũ khí thô sơ và 01 vỏ bao dao không có giá trị sử dụng; cần tịch thu, tiêu hủy.

- Theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà người phạm tội đã thu của người vay; trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu. Như vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền người phạm tội dùng để cho vay là 200.000.000 đồng (trong đó: truy thu của Nguyễn Văn B số tiền 100.000.000 đồng B sử dụng cho ông Nguyễn Văn L vay, ông L đã trả cho B; buộc ông Phạm Văn PH nộp lại số tiền 100.000.000 đồng B sử dụng cho ông PH vay, nhưng ông PH chưa trả cho B) và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà B đã thu của người vay là 16.438.356 đồng (làm tròn 16.438.000 đồng); truy thu của Nguyễn Văn B số tiền thu lợi bất chính mà B thực tế đã thu là 73.561.644 đồng (làm tròn là 73.562.000 đồng) để trả lại cho ông L 36.780.822 đồng (làm tròn là 36.781.000 đồng) và trả lại cho ông PH 36.780.822 đồng (làm tròn là 36.781.000 đồng).

[6] Về các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra, ông Nhữ Văn T đã trình báo và khai nhận: ngày 08/10/2021, ông T vay của Nguyễn Văn B số tiền 400.000.000 đồng với mức lãi suất 2.500 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng với mức lãi suất 91,25%/năm) thông qua việc viết giấy bán xe ô tô BKS 90A-084.63 để làm tin. Sau đó, B đã chuyển 400.000.000 đồng từ tài khoản 19037059045018 Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) của vợ B là chị Lê Thị H đến số tài khoản ngân hàng 101119796666 của ông T mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank). Ngày 26/12/2021, ông T trả cho B 200.000.000 đồng tiền gốc, thì B điều chỉnh lãi lên là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm) trên tổng số 200.000.000 đồng còn lại. Đến ngày 29/01/2022, ông T đã trả hết số tiền vay của B; tổng số tiền ông T trả lãi cho B là 98.700.000 đồng. Nhưng do thời gian đã lâu, nên ông T không nhớ rõ trả lãi trực tiếp hay qua tài khoản ngân hàng và việc giao dịch, thỏa thuận không có ai chứng kiến. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã đấu tranh, xác minh, nhưng B chỉ thừa nhận cho ông T vay số tiền nêu trên, không thừa nhận việc tính lãi suất như ông T đã khai báo. Ngoài lời khai của ông T, thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh; nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với B về hành vi này.

- Đối với hành vi của Nguyễn Văn B tàng trữ 01 con dao là vũ khí có tính năng tương tự vũ khí thô sơ: qua điều tra xác định B chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về các hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ; nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với B. Theo đề nghị của Công an huyện TL, ngày 15/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 12.500.000 đồng đối với B là đúng pháp luật.

- Đối với ông Lê Văn H1 và chị Lê Thị H: ông H1 và chị H đã mở tài khoản ngân hàng, rồi đưa cho Nguyễn Văn B quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, ông H1 và chị H đều không biết B sử dụng tài khoản ngân hàng này để thực hiện hành vi phạm tội; nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không xem xét xử lý ông H1 và chị H với vai trò đồng phạm là đúng pháp luật.

- Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định về chủ tài khoản 230417601 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng mang tên Lê Thị Giang. Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL tiếp tục xác minh về nội dung này và xử lý sau là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), nộp ngân sách Nhà nước.

- Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Truy thu của Nguyễn Văn B số tiền 116.438.000 đồng và buộc ông Phạm Văn PH nộp lại số tiền 100.000.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của Nguyễn Văn B số tiền 73.562.000 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 36.781.000 đồng và trả lại cho ông Phạm Văn PH số tiền 36.781.000 đồng.

- Trả lại cho Nguyễn Văn B 02 máy tính nhãn hiệu Dell, 03 chuột máy tính, 01 dây nguồn, 01 đầu thu camera kèm theo dây nguồn, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s và Iphone 14 pro max; tịch thu, tiêu hủy 01 con dao và 01 vỏ bao dao (chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14/5/2024 giữa Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL với Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL).

3. Án phí: bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lại Xuân Cảnh